

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**Đại học Ngoại ngữ**

---

# **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

Môn: **Tiếng Anh B1**

Mã số: **FLF1107**

Đơn vị thực hiện: **Khoa Tiếng Anh**

**Hà Nội, 2019**

# **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

## **TIẾNG ANH B1, MÃ SỐ FLF1107**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐT ngày tháng năm 201 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

### **1. Thông tin giảng viên**

Giảng viên khoa tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

### **2. Thông tin chung về môn học**

- Tên môn học: Tiếng Anh B1
- Mã môn học: FLF1107
- Số tín chỉ: 5
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 75 giờ tín chỉ trên lớp và 75 giờ tự học ở nhà
  - + Thực hành kỹ năng Đọc-Viết: 30
  - + Thực hành kỹ năng Nghe-Nói: 30
  - + Ôn tập, Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 15
  - + Tự học ở nhà: 75
- Môn học tiên quyết: không
- Địa chỉ khoa phụ trách môn học: Khoa Tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3. Mục tiêu môn học**

#### **3.1. Mục tiêu chung**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Củng cố từ vựng và cấu trúc ngữ pháp thuộc các chủ đề quen thuộc, thường gặp ở nơi làm việc, trường học, khu vui chơi giải trí, và một số vấn đề xã hội đang được quan tâm như giao thông, văn hóa, thể thao,...
- Nắm được các kỹ năng và tiêu kỹ năng ngôn ngữ cơ bản ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Xử lý được hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra trong phạm vi ngữ cảnh thường gặp;

- Tạo ra các ngôn bản và văn bản có tính liên kết về chủ đề quen thuộc, phù hợp với sở thích cá nhân như mô tả trải nghiệm, kể về sự kiện, hoài bão, trình bày và lí giải khá mạch lạc quan điểm và kế hoạch được vạch ra.
- Nắm được định dạng và chiến lược làm bài thi chuẩn đầu ra.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

#### *3.2.1. Về kiến thức ngôn ngữ*

##### **Ngữ âm**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Phát âm dễ hiểu cho dù còn ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và đôi khi còn mắc lỗi phát âm.

##### **Ngữ pháp**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Kiểm soát kiến thức ngữ pháp tốt, tuy vẫn còn lỗi;
- Sử dụng một cách hợp lí và chính xác các cấu trúc có tính ‘công thức’ hay dùng thường ngày và các mẫu cấu trúc gắn liền với các tình huống quen thuộc nhưng đôi khi còn mắc lỗi không có tính hệ thống.

##### **Từ vựng**

*Kết thúc môn học, sinh viên sinh viên cũng có được lượng từ vựng và cấu trúc tương đương bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam, cụ thể là:*

- Có đủ vốn từ để diễn đạt ý mình (dù đôi khi phải diễn đạt vòng) khi bàn về các chủ đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, các sự kiện văn hóa, xã hội mới xảy ra;
- Có khả năng sử dụng vốn từ cơ bản tốt nhưng vẫn mắc một số lỗi khi phải diễn đạt các suy nghĩ phức tạp hơn hay phải xử lý các chủ đề và tình huống không quen thuộc;
- Tích lũy được một số vốn từ chuyên ngành nhất định.

#### *3.2.2. Về các kĩ năng ngôn ngữ:*

##### **Kĩ năng Đọc**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể nắm được các kĩ năng đọc cơ bản để đáp ứng việc đọc hiểu các bài đọc có độ dài và độ khó tương đương bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam, cụ thể là:*

- Đọc hiểu được các bài khóa đơn giản, truyền tải thông tin về những chủ đề ưu thích hay thuộc chuyên môn của bản thân;

- Hiểu được các phần miêu tả sự kiện, cảm xúc và ước mơ trong thư cá nhân, có thể sử dụng thư từ để liên lạc ở mức giao tiếp thông thường;
- Nắm được kỹ năng đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể;
- Đọc hiểu và tìm được thông tin chính trong các tài liệu thông thường như thư từ, sách quảng cáo hay các tài liệu ngắn có văn phong theo qui phạm;
- Xác định được các kết luận chính chỉ rõ ra trong các bài văn nghị luận;
- Nhận ra được các luận điểm chính trong bài đọc mặc dù chưa hiểu được một cách chi tiết;
- Nhận biết những điểm chính được trình bày trong các bài báo đơn giản về các chủ đề quen thuộc;
- Có thể hiểu được các chỉ dẫn viết rõ ràng, đơn giản dành cho các loại thiết bị;
- Hiểu được cấu trúc và những yêu cầu của bài thi Chuẩn đầu ra kỹ năng Đọc;
- Nắm được các kỹ thuật làm bài của bài thi Chuẩn đầu ra kỹ năng Đọc.

### **Kĩ năng Nghe**

*Kết thúc môn học sinh viên nắm được các kỹ năng nghe cơ bản để đáp ứng việc nghe hiểu các bài nghe có độ dài và độ khó tương đương với bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam, cụ thể là:*

- Hiểu được các thông tin sự kiện đơn giản về các chủ đề phổ biến hàng ngày hay các chủ đề liên quan đến công việc, xác định được cả thông điệp chính lẫn ý chi tiết miễn là ngôn bản được nói một cách rõ ràng;
- Hiểu được điểm chính của những ngôn bản chuẩn, rõ ràng quanh các chủ đề quen thuộc, thường gặp tại nơi làm việc, trường học, một số vấn đề văn hóa, xã hội thường gặp, v.v... bao gồm cả đoạn tường thuật ngắn;
- Nắm được ý chính của những đoạn thảo luận dài khi nghe trực tiếp với điều kiện ngôn bản được nói rõ ràng với giọng chuẩn;
- Theo dõi một bài giảng hay bài nói chuyện thuộc chuyên ngành của mình khi chủ đề đó quen thuộc và bài nói được trình bày rõ ràng, dễ hiểu;
- Theo dõi được bài nói ngắn, dễ hiểu và theo dõi ý khi bài nói được nói chuẩn và rõ ràng;
- Hiểu được những thông tin kỹ thuật đơn giản, các chỉ dẫn (ví dụ: cách vận hành và sử dụng thiết bị hàng ngày);

- Hiểu nội dung thông tin của hầu hết các bài nghe về những chủ đề ưa thích được thu âm hay phát sóng với giọng chuẩn, rõ ràng;
- Hiểu được ý chính của những bản tin thời sự hoặc bài phát thanh về các chủ đề quen thuộc với tốc độ chậm, giọng đọc rõ.
- Hiểu được cấu trúc và những yêu cầu của bài thi Chuẩn đầu ra kỹ năng Nghe;
- Nắm được các kỹ thuật làm bài của bài thi Chuẩn đầu ra kỹ năng Nghe.

### **Kỹ năng Nói**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể nắm được các kỹ năng nói cơ bản để đáp ứng việc đọc hiểu các bài đọc có độ dài và độ khó tương đương bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam, cụ thể là:*

- Dẫn dắt trôi chảy những bài miêu tả đơn giản về nhiều kiểu chủ đề ưa thích, trình bày chúng một cách logic, rõ ràng, mạch lạc;
- Giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động thường ngày hoặc liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân;
- Trao đổi, kiểm tra và chứng thực thông tin, xử lý các tình huống hiếm gặp trong cuộc sống và biết giải thích nguyên nhân;
- Dẫn tả suy nghĩ của mình về các chủ đề trừu tượng hay liên quan đến lĩnh vực kinh tế, văn hóa, ví dụ phim ảnh, âm nhạc, sách báo, việc làm, tài chính, v...v...;
- Dẫn dắt ý kiến cá nhân một cách tương đối dễ dàng mặc dù vẫn còn một số khó khăn trong việc lựa chọn từ trong khi nói nhưng người nói vẫn có thể tiếp tục bài nói của mình một cách hiệu quả mà không cần trợ giúp;
- Trình bày quan điểm một cách trôi chảy, dễ hiểu, cho dù còn ngập ngừng do phải lựa chọn hay sửa chữa ngữ pháp và từ vựng khi nói, đặc biệt trong những lượt nói dài với bài nói tự do;
- Biết tường thuật chi tiết những nội dung, trải nghiệm, miêu tả cảm xúc và phản ứng, kể lại câu chuyện hoặc cốt chuyện của một cuốn sách, bộ phim và trình bày cảm nhận của mình;
- Phát triển lập luận tốt, khiến người nghe có thể theo dõi mà hầu như không thấy khó khăn;
- Giải thích ngắn gọn cho các ý kiến, kế hoạch và hành động;
- Thực hiện các thông báo ngắn có chuẩn bị trước về một chủ đề thân thuộc với sự kiện hàng ngày trong lĩnh vực của mình một cách dễ hiểu dù vẫn mắc lỗi trọng âm hoặc ngữ điệu;

- Trình bày bài nói có chuẩn bị trước một cách dễ dàng về các chủ điểm quen thuộc trong lĩnh vực của mình một cách rõ ràng, mạch lạc, biết giải thích các điểm chính với độ chính xác phù hợp;
- Trả lời các câu hỏi phát sinh nhưng vẫn phải yêu cầu người hỏi nhắc lại nếu họ hỏi nhanh;
- Theo dõi được các ngôn bản hướng tới mình trong các đối thoại hàng ngày, tuy nhiên đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại một số từ và ngữ đoạn;
- Hiểu được cấu trúc và những yêu cầu của bài thi Chuẩn đầu ra kỹ năng Nói;
- Nắm được các kỹ thuật làm bài của bài thi Chuẩn đầu ra kỹ năng Nói.

### **Kĩ năng Viết**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể nắm được các kỹ năng Viết cơ bản để đáp ứng việc đọc hiểu các bài đọc có độ dài và độ khó tương đương bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam, cụ thể là:*

- Viết được các văn bản miêu tả hoặc tường thuật sự kiện đơn giản, dễ hiểu, có liên kết về các loại chủ điểm quen thuộc ưa thích, bằng cách kết nối các sự kiện cụ thể thành một chuỗi tuyến tính;
- Truyền đạt thông tin và ý tưởng về các chủ đề cụ thể hay trừu tượng, kiểm tra thông tin, yêu cầu lấy thông tin hay giải thích vấn đề với độ chính xác phù hợp;
- Viết thư hay ghi chú cá nhân để yêu cầu hay truyền đạt nhanh các thông tin đơn giản, truyền tải được điểm mà mình cho là quan trọng;
- Viết các thư từ các nhân để báo tin hay trình bày suy nghĩ của bản thân về các vấn đề trừu tượng hay liên quan đến văn hóa, ví dụ: phim ảnh, âm nhạc, v...v...;
- Viết các thư cá nhân miêu tả các trải nghiệm, cảm xúc và sự kiện một cách chi tiết;
- Ghi lại các tin nhắn trao đổi yêu cầu, giải trình vấn đề.
- Hiểu được cấu trúc và những yêu cầu của bài thi Chuẩn đầu ra kỹ năng Viết;
- Nắm được các kỹ thuật làm bài của bài thi Chuẩn đầu ra kỹ năng Viết.

### *3.2.3. Các nhóm kỹ năng khác*

*Kết thúc môn học sinh viên có thể:*

- Làm việc theo nhóm một cách tương đối hiệu quả;
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho môn học;
- Có thể thuyết trình khoảng 10 phút về một vấn đề được giao với ngôn ngữ rõ ràng và tương đối đơn giản;

- Bước đầu sử dụng tư duy phân phán trong học tập;
- Nắm được dạng thức bài thi giữa kì và bài thi Chuẩn đầu ra, và biết cách làm các dạng bài quy định trong đề thi.

### 3.3. Mục tiêu về thái độ

- Xác định rõ được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao trong việc học hỏi, nắm bắt nội dung môn học;
- Phát huy tối đa tinh thần học tập thông qua nghiên cứu các sách tham khảo và các tài liệu khác trên mạng Internet;
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn;
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà;
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng và óc tư duy sáng tạo và phân pph vào các hoạt động trên lớp;
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên;
- Chủ động trong học tập.

### 4. Tóm tắt nội dung môn học

*Môn học tiếng Anh B1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về:*

- Các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao bậc 3;
- Các chủ điểm từ vựng bậc 3 và các từ vựng cơ bản sử dụng trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành học tập;
- Các kĩ năng ngôn ngữ Nghe, Nói, Đọc, Viết bậc 3 với độ khó tương đương bậc 3 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam.

### 5. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Các tiêu mục
<b>Nhập môn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu chương trình học (mục tiêu, nội dung, giáo trình, kiểm tra đánh giá môn học)</li> <li>- Định hướng phương pháp học môn học Tiếng Anh B1</li> </ul>

<p><b>Nội dung 1:</b> <b>All about you</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b>  + Nghe: nghe tìm thông tin chi tiết trong các bài nghe ngắn; luyện tập dạng câu hỏi đa lựa chọn;  + Nói: Trả lời các dạng câu hỏi liên quan đến bản thân; luyện tập cách mở rộng câu trả lời.</p> <p><b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b>  + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới về chủ đề mô tả nhân vật, tính cách và các mối quan hệ cá nhân;  + Từ vựng: từ và cấu trúc mô tả nhân dạng, tính cách;  + Ngữ pháp: sử dụng tính từ và trạng từ chính xác</p>
<p><b>Nội dung 2:</b> <b>Family</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b>  + Đọc: đọc để nhận biết cấu trúc câu/ nội dung của văn bản  + Viết: nhận biết và vận dụng các cấu trúc đồng nghĩa hoàn thành câu còn khuyết thiếu.</p> <p><b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b>  + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới trong chủ đề về gia đình  + Từ vựng: từ và cấu trúc liên quan đến bản thân và các thành viên trong gia đình  + Ngữ pháp: sử dụng tính từ và trạng từ ở thức so sánh và các thì ở hiện tại</p>
<p><b>Nội dung 3:</b> <b>Appearance</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b>  + Nghe: nghe bài ngắn và ghi chép thông tin chi tiết để trả lời câu hỏi đa lựa chọn;  + Nói: luyện tập cách mở rộng thông tin, phát triển ý trong câu trả lời.</p> <p><b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b>  + Ngữ âm: phát âm các từ và diễn đạt mới về chủ đề ngoại hình  + Từ vựng: các từ nối; từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề ngoại hình  + Ngữ pháp: thì hiện tại đơn giản và thì quá khứ đơn</p>



<p><b>Nội dung 4:</b> <b>Celebrations</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: đọc hiểu thông tin chi tiết và hoàn thành văn bản với từ gợi ý trang; + Viết: cách viết câu và viết lại câu giữ nguyên nghĩa.</p> <p><b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới về chủ đề y phục và tư trang + Từ vựng: các động từ và cấu trúc liên quan chủ đề ăn mặc, nhà cửa. + Ngữ pháp: thì quá khứ hoàn thành và các dạng thức của danh từ</p>
<p><b>Nội dung 5:</b> <b>All around the world</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Nghe: nghe hiểu và luyện tập dạng câu lựa chọn đáp án + Nói: luyện tập các lập dàn ý cho bài nói về 1 chủ đề</p> <p><b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới về chủ đề thế giới xung quanh ta + Từ vựng: cụm giới từ, từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề thế giới xung quanh ta + Ngữ pháp: đại từ</p>
<p><b>Nội dung 6:</b> <b>Education</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: đọc lấy thông tin chi tiết, luyện tập dạng câu hỏi nối đáp án + Viết: lập dàn ý cho 1 đoạn văn</p> <p><b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới về chủ đề giáo dục + Từ vựng: từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề giáo dục + Ngữ pháp: các diễn đạt hành động trong tương lai</p>
<p><b>Nội dung 7:</b> <b>Living place</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Nghe: nghe hiểu lấy thông tin chi tiết và luyện tập dạng câu hỏi điền từ; + Nói: sử dụng từ nối phù hợp trong bài đọc thoại theo chủ đề miêu tả địa điểm;</p> <p><b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới về chủ đề miêu tả địa điểm; + Từ vựng: từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề miêu tả địa điểm + Ngữ pháp: động từ khuyết thiếu (1)</p>

<p><b>Nội dung 8:</b> <b>Eating habit</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: đọc lướt tìm ý chính và đọc hiểu tìm thông tin chi tiết; luyện tập dạng câu hỏi nói đáp án; + Viết: luyện tập kỹ năng viết 1 đoạn văn có bố cục chặt chẽ và ý tứ mạch lạc; <b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới trong chủ đề thói quen ăn uống; + Từ vựng: tiền tố và cách tạo nghĩa, từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề thói quen ăn uống + Ngữ pháp: động từ khuyết thiếu (2)</p>
<p><b>Nội dung 9:</b> <b>Technology</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Nghe: nghe lấy thông tin chi tiết trong đoạn thông báo/ nói chuyện dài, luyện tập dạng câu hỏi đa lựa chọn; + Nói: nói độc thoại 2 phút về chủ đề miêu tả 1 đồ vật công nghệ cao <b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới trong chủ đề công nghệ; + Từ vựng: tính từ ghép, từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề công nghệ; + Ngữ pháp: giới từ</p>
<p><b>Nội dung 10:</b> <b>Health and keeping fit</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: đọc hiểu và luyện tập dạng câu hỏi đa lựa chọn; + Viết: nhận biết cấu trúc, ngôn ngữ trong thư thân mật và thư trang trọng; <b>- Kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới trong chủ đề sức khỏe; + Từ vựng: từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề sức khỏe + Ngữ pháp: cấu trúc của động từ (V-ing hay to V)</p>

<p><b>Nội dung 11:</b> <b>Leisure time</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Nghe: nghe hiểu thái độ/ ý kiến của người nói và luyện tập dạng câu hỏi đa lựa chọn; + Nói: Phát triển ý trong câu hỏi thảo luận/ đưa ý kiến cá nhân về 1 chủ đề; <b>- Các kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới trong chủ đề hoạt động trong thời gian rỗi; + Từ vựng: từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề hoạt động trong thời gian rỗi; + Ngữ pháp: câu điều kiện</p>
<p><b>Nội dung 12:</b> <b>Possessions</b></p>	<p><b>- Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: đọc hiểu mục đích, văn phong của tác giả và luyện tập dạng câu hỏi đa lựa chọn; +Viết: viết một bức thư thân mật; <b>- Các kiến thức ngôn ngữ:</b> + Ngữ âm: phát âm từ và diễn đạt mới trong chủ đề sở hữu cá nhân; + Từ vựng: từ vựng và cấu trúc liên quan đến chủ đề sở hữu cá nhân + Ngữ pháp: câu tường thuật</p>
<p><b>Ôn tập và làm bài thi thử</b></p>	<p>- Hệ thống định dạng bài thi CĐR - Luyện tập các bài thi CĐR mẫu hoàn chỉnh và phần hỏi điểm yếu/ mạnh của sinh viên</p>

## 6. Học liệu

### 6.1. Học liệu bắt buộc

*Instant Pet*, Martyn Ford, 2012, CUP. (IP).

### 6.2. Học liệu tham khảo

1. Vocabulary for PET, Sue Ireland and Joanna Kosta, CUP. (VP)
2. Grammar for Pet, Luise Hashemi and Barbara Thomas, CUP. (GP)
3. PET 3, 4, Cambridge (PET)
4. IELTS Foundation, Rachel Robert, Joanne Gakonga & Andrew Prehous, Macmillan. (IF)
5. Effective Academic Writing, Alice Savage and Masoud Shafiei, OUP. (EAW)
6. VSTEP3 Practice Tests: KTA (Handouts)

## 7. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức môn học			
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học trên lớp	Tự học ở nhà
Nhập môn	1	1		
Nội dung 1	1	2	0	5
Nội dung 2	2	2	1	5
Nội dung 3	2	2	1	5
Nội dung 4	2	2	1	5
Nội dung 5	2	2	1	5
Nội dung 6	2	2	1	5
Nội dung 7	2	2	1	5
Ôn tập và kiểm tra tiến bộ kỹ năng nghe	2	2	1	5
Nội dung 8	2	2	1	5
Nội dung 9	2	2	1	5
Kiểm tra tiến độ kỹ năng nói	0	5	0	5
Nội dung 10	2	2	1	5
Nội dung 11	2	2	1	5
Nội dung 12	2	2	1	5
Ôn tập và kiểm tra thử	0	5	0	5
<b>Tổng số</b>	<b>26</b>	<b>37</b>	<b>12</b>	<b>75</b>

## 8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác

Sinh viên cần:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra tiến độ 1 và 2;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài về nhà đầy đủ theo yêu cầu;
- Nộp các bài tập cho giảng viên theo yêu cầu;

Sinh viên nghỉ quá 20% số buổi học sẽ không được tham gia bài thi kết thúc học phần và bài thi Chuẩn đầu ra cuối khóa.

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

### 9.1. Hình thức, mục tiêu, tỉ trọng các bài kiểm tra đánh giá

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số
-----------	-------------------	----------

Bài kiểm tra tiến độ 1	Đánh giá kỹ năng Nghe	20%
Bài kiểm tra tiến độ 2	Đánh giá kỹ năng Nói	10%
Điểm chuyên cần	Đánh giá chuyên cần và hoàn thành bài	10%
Bài kiểm tra kết thúc học phần	- Đánh giá kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết - Đánh giá chuẩn đầu ra cho sinh viên.	60%

**9.2. Lịch thi, kiểm tra đánh giá.**

STT	Hình thức kiểm tra đánh giá	Thời gian
1	Bài kiểm tra tiến độ 1	Tuần 6
2	Bài kiểm tra tiến độ 2	Tuần 10
3	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Từ 1-4 tuần sau khi kết thúc môn học.